

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT:

**“TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ HOẠT
ĐỘNG THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG BRUNEI
THÁNG 7/2026, ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ DỰ BÁO”**

**Thuộc nhiệm vụ: “Tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin về Hiệp định
thương mại giữa Việt Nam với một số thị trường đối tác trong CPTPP”**

Hà Nội, tháng 7/2026

MỤC LỤC

I. Tổng quan thương mại song phương giữa Việt Nam với thị trường Brunei trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026	4
<i>1. Đánh giá hoạt động xuất khẩu</i>	<i>4</i>
<i>2. Đánh giá hoạt động nhập khẩu</i>	<i>6</i>
<i>3. Đánh giá cán cân thương mại</i>	<i>7</i>
II. Phân tích hoạt động nhập khẩu hàng hóa của Brunei với thế giới và thị phần hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam.....	8
<i>1. Tổng quan tình hình nhập khẩu hàng hoá của Brunei</i>	<i>8</i>
<i>2. Đánh giá dung lượng, thị phần của Việt Nam tại thị trường Brunei.....</i>	<i>14</i>
III. Đánh giá xu hướng triển vọng trong thời gian tới.....	16
<i>1. Đánh giá xu hướng, triển vọng xuất khẩu.</i>	<i>16</i>
<i>2. Đánh giá xu hướng, triển vọng nhập khẩu.</i>	<i>18</i>

Danh mục bảng, biểu đồ

Danh mục biểu đồ:

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Brunei giai đoạn 2021- 2026.....	4
Biểu đồ 2: Trị giá nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Brunei giai đoạn 2021- 2026	6
Biểu đồ 3: Nhập khẩu hàng hóa của Brunei giai đoạn năm 2021 - 2026.....	10

Danh mục bảng:

Bảng 1: Mặt hàng xuất khẩu sang Brunei trong 6 tháng đầu năm 2026	6
Bảng 2: Mặt hàng nhập khẩu sang Brunei trong 6 tháng đầu năm 2026	7

Bảng 3: Cán cân thương mại hàng hóa giữa Việt Nam- Brunei trong tháng 6/2025 và 6 tháng năm 2026	8
Bảng 4: Brunei nhập khẩu hàng hóa từ một số thị trường chính trong quý 1/2026	10
Bảng 5: Hàng hóa nhập khẩu của Brunei trong quý 1/2026 và thị phần của Việt Nam	15
Bảng 6: Brunei nhập khẩu mặt hàng thủy sản (HS 03) từ một số thị trường chính trong quý 1/2026.....	17
Bảng 7: Hàng hóa xuất khẩu chính của Brunei trong quý 1/2026 và thị phần của Việt Nam	18

Tóm tắt

Sau hơn 7 năm tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường trong khối CPTPP tăng khá mạnh trong những năm gần đây. Brunei là quốc gia thứ 11 và cũng là nước cuối cùng phê chuẩn CPTPP kể từ khi hiệp định này được ký kết tại Chile vào ngày 8/3/2018. Brunei có quy mô dân số nhỏ, chỉ khoảng gần 470 nghìn người (số liệu năm 2025 của Ngân hàng thế giới), tuy nhiên mức sống của người dân Brunei lại ở mức rất cao, thuộc nhóm đứng đầu trong khu vực với GDP bình quân đầu người năm 2025 đạt gần 35.000 USD/người- điều này tạo ra sức mua lớn ở phân khúc tiêu dùng cao cấp tại Brunei.

Theo số liệu của Cục hải quan Việt Nam, trong 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Brunei đạt 146,7 triệu USD, tăng 178,8% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong khi đó, theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Brunei là thị trường có nhu cầu nhập khẩu từ 6,6 – 11 tỷ USD hàng hóa mỗi năm. Trong đó, năm 2022 là năm có trị giá nhập khẩu cao kỷ lục là 9,19 tỷ USD, tăng 27% so với năm trước, nhưng sang năm 2025, trị giá nhập khẩu giảm mạnh xuống còn 6,6 tỷ USD, do nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng chậm lại. Trong quý 1/2026, Brunei nhập khẩu hàng hóa đạt trị giá 1,71 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2025.

Việt Nam đứng thứ 6 trong danh sách thị trường cung cấp hàng hóa lớn nhất vào Brunei, với trị giá đạt 84 triệu USD trong quý 1/2026, tăng 68,8% so với quý

trước và tăng 171,5% so với quý 1/2025 và chiếm 4,9% thị phần nhập khẩu của Brunei, cải thiện đáng kể so với 2% của cùng kỳ năm 2025.

Do quy mô thị trường nhỏ, mức thu nhập cao và dân số ít đồng nghĩa với việc dung lượng thị trường hàng tiêu dùng đại trà bị hạn chế. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam khi tiếp cận thị trường Brunei nên tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, chất lượng tốt, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với thị hiếu tiêu dùng cao cấp của người dân nước này.

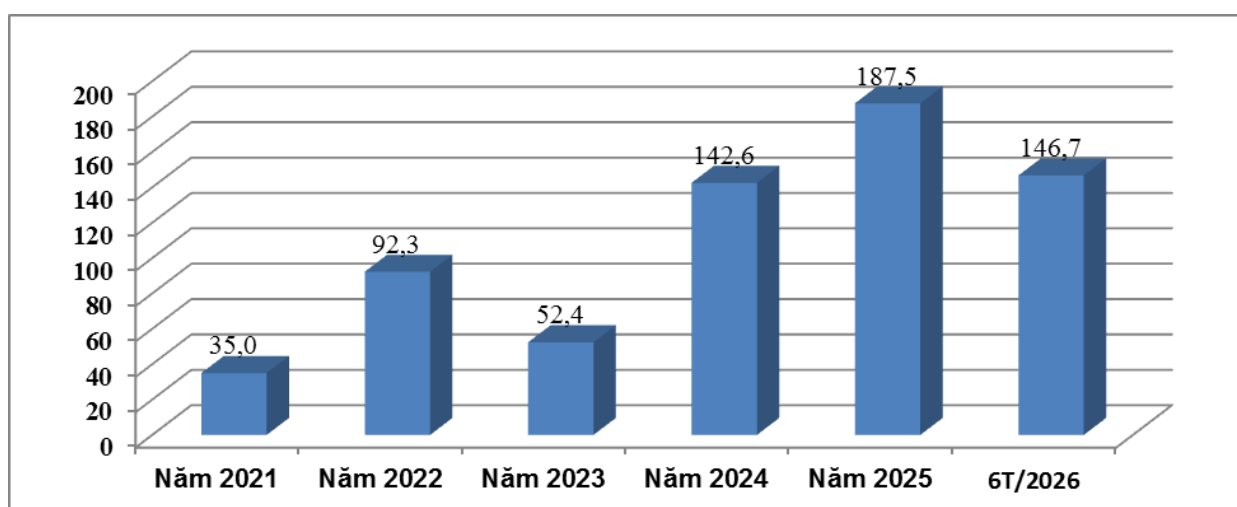
NỘI DUNG CHI TIẾT

I. Tổng quan thương mại song phương giữa Việt Nam với thị trường Brunei trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026

1. Đánh giá hoạt động xuất khẩu

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan, trong tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Brunei đạt 3,2 triệu USD, tăng 85,1% so với tháng trước và tăng 195,4% so với tháng 6/2025. Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này đạt 146,7 triệu USD, tăng 178,8% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 0,1% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2025.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Brunei giai đoạn 2021- 2026 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Cục hải quan

Mặc dù có sự tăng trưởng mạnh về tổng thể, song diễn biến theo từng tháng và từng nhóm hàng có sự biến động đáng kể. Đặc biệt, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao chủ yếu được tạo ra bởi sự gia tăng mạnh của một số nhóm hàng và các lô hàng có giá trị lớn, trong khi kim ngạch xuất khẩu trong tháng 6 giảm xuống mức thấp. Điều này cho thấy tăng trưởng thương mại với Brunei chưa thực sự ổn định và có thể chịu ảnh hưởng lớn bởi thời điểm giao hàng cũng như nhu cầu nhập khẩu của thị trường.

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Brunei tập trung chủ yếu vào các nhóm sản phẩm chính như: Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; Sản phẩm từ sắt thép và Hàng thủy sản...

Trong 6 tháng đầu năm 2026, ***máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác*** là nhóm mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Brunei, với 2,6 triệu USD, tăng 371,5% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 1,8% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này, tăng so với mức tỷ trọng 1,1% của cùng kỳ năm 2025.

Theo dự báo của <https://www.reportlinker.com/>, nhu cầu nhập khẩu một số loại máy móc, thiết bị và phụ tùng của Brunei vẫn ở mức đáng kể trong thời gian tới. Cụ thể, nhập khẩu phụ tùng cần cẩu, xe tải công trình, máy xúc, máy móc xây dựng vào Brunei dự báo đạt 6,22 triệu USD năm 2026 và 6,44 triệu USD năm 2027. Nhập khẩu máy móc dùng để cân bằng các bộ phận cơ khí vào Brunei đạt 10,67 triệu USD năm 2026, và lên 10,9 triệu USD năm 2027. Bên cạnh đó, Brunei cũng có nhu cầu nhập khẩu nhiều loại dụng cụ và phụ tùng khác như lưỡi cưa, phụ tùng cưa máy, ổ trục và vòng bi. Điều này cho thấy thị trường vẫn còn dư địa để Việt Nam mở rộng xuất khẩu các sản phẩm máy móc, thiết bị và phụ tùng sang Brunei.

Sản phẩm từ sắt thép đứng thứ hai về kim ngạch xuất khẩu, đạt 2,5 triệu USD, tăng đột biến (2.591,6%) so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 1,7% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này, tăng mạnh so với mức 0,2% của cùng kỳ năm 2025. Theo ITC, Brunei nhập khẩu khoảng 120–130 triệu USD sản phẩm từ sắt thép thuộc nhóm HS 73 mỗi năm, trong khi hàng hóa của Việt Nam hiện chỉ chiếm khoảng 0,2% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của Brunei. Do đó, dư địa để Việt Nam gia tăng thị phần tại thị trường này vẫn còn khá lớn.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu một số hàng hóa khác sang Brunei cũng tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2026 như: Xuất khẩu gạo tăng 141,4%, đạt 107 nghìn USD; Hàng hóa khác tăng 175,2%, đạt 140,6 triệu USD...

So với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chung của Việt Nam sang các thị trường thì xuất khẩu hàng hóa sang Brunei có biên độ dao động lớn hơn nhiều, phản ánh đặc thù của một thị trường quy mô nhỏ, nhu cầu nhập khẩu biến động mạnh và phụ thuộc vào một số nhóm hàng nhất định (đặc biệt là nhiên liệu khoáng/dầu thô). Các doanh nghiệp cần có chiến lược tiếp cận linh hoạt, vừa củng cố lợi thế ở các nhóm hàng chủ lực, vừa đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu nhằm ổn định kim ngạch và khai thác bền vững tiềm năng của thị trường Brunei trong dài hạn.

Bảng 1: Mặt hàng xuất khẩu sang Brunei trong 6 tháng đầu năm 2026

Tên hàng	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng 2025 (%)	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	Tỷ trọng 6 tháng 2026 (%)	Tỷ trọng 6 tháng 2025 (%)
Tổng	146.714	178,8	3.176	85,1	195,4	100,0	100,0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	2.635	371,5	2.001	597,8		1,8	1,1
Sản phẩm từ sắt thép	2.482	2.591,6	239	0,6		1,7	0,2
Hàng thủy sản	913	8,4	66	-28,4	-43,8	0,6	1,6
Gạo	107	141,4				0,1	0,1
Hàng hóa khác	140.577	175,2	870	-19,2	-9,2	95,8	97,1

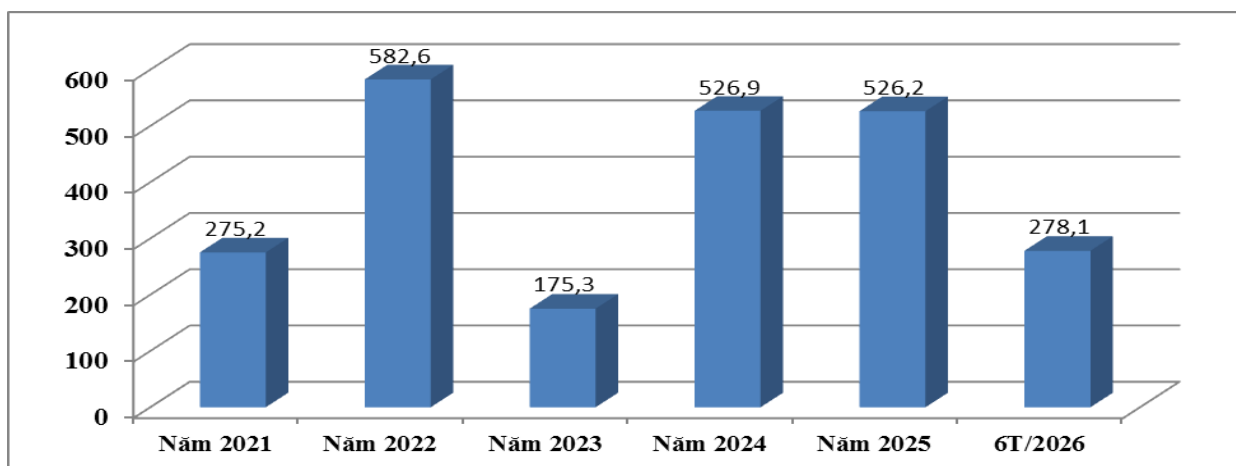
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục hải quan

2. Đánh giá hoạt động nhập khẩu

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan, trong tháng 6/2026, trị giá nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Brunei đạt 14,8 triệu USD, giảm 76,3% so với tháng trước và giảm 55,5% so với tháng 6/2025. Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, trị giá nhập khẩu hàng hóa từ thị trường này đạt 278,1 triệu USD, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trị giá nhập khẩu hàng hóa từ thị trường Brunei chiếm 0,1% trong tổng trị giá nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026, tương đương với cùng kỳ năm 2025.

**Biểu đồ 2: Trị giá nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Brunei
giai đoạn 2021- 2026 (ĐVT: triệu USD)**



Nguồn: Cục Hải quan

Trong 6 tháng đầu năm 2026, trị giá nhập khẩu dầu thô từ thị trường Brunei đạt kim ngạch cao nhất là 49,6 triệu USD, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2025. Nhập khẩu nhóm mặt hàng này chiếm 17,8% tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa từ Brunei, giảm so với 21,9% của cùng kỳ năm 2025. Đây là thị trường cung cấp dầu thô lớn thứ 3 cho Việt Nam, chiếm 1,1% tổng trị giá nhập khẩu mặt hàng dầu thô của Việt Nam.

Nhập khẩu mặt hàng hóa chất từ thị trường Brunei đạt kim ngạch cao thứ 2, với 5,9 triệu USD, giảm 59,3% so với cùng kỳ năm 2025. Nhập khẩu nhóm mặt hàng này chiếm 2,1% tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa từ Brunei, giảm so với 6,3% của cùng kỳ năm 2025.

Bảng 2: Mặt hàng Việt Nam nhập khẩu sang Brunei 6 tháng đầu năm 2026

Tên hàng	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng 2025 (%)	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So với tháng 5/2026	So với tháng 6/2025 (%)	Tỷ trọng 6 tháng 2026 (%)	Tỷ trọng 6 tháng 2025 (%)
Tổng	278.096	21,6	14.812	-76,3	-55,5	100,0	100,0
Dầu thô	49.635	-0,7				17,8	21,9
Hóa chất	5.876	-59,3	161		-87,2	2,1	6,3
Hàng hóa khác	222.584	35,5	14.651	-76,6	-54,3	80,0	71,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

3. Đánh giá cán cân thương mại

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch thương mại hàng hóa hai chiều giữa Việt Nam và Brunei đạt 424,8 triệu USD, tăng 51% so với cùng kỳ năm 2025. Việt Nam nhập siêu từ thị trường Brunei 131,4 triệu USD.

**Bảng 3: Cán cân thương mại hàng hóa giữa Việt Nam- Brunei
trong tháng 6/2025 và 6 tháng năm 2026**

Hoạt động thương mại	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So sánh (%)		6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)
		Tháng 5/2026	Tháng 6/2025		
Việt Nam xuất khẩu	3.176	85,1	195,4	146.714	178,8
Việt Nam nhập khẩu	14.812	-76,3	55,5	278.096	21,6
Thương mại hai chiều	17.988	-72,0	-47,7	424.810	51,0
Cán cân thương mại	-11.636	-80,9	-63,9	-131.382	-25,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Riêng trong tháng 6/2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa hai chiều giữa Việt Nam và đạt 18 triệu USD, giảm 72% so với tháng trước và giảm 47,7% so với tháng 6/2025. Trong tháng 6/2026, thâm hụt thương mại hàng hóa của Việt Nam với thị trường Brunei đạt 11,6 triệu USD, giảm 81% so với tháng trước và giảm 63,9% so với tháng 6/2025.

Cán cân thương mại giữa Việt Nam và Brunei tiếp tục duy trì trạng thái nhập siêu về phía Việt Nam, trong bối cảnh hai nước đang đẩy mạnh hợp tác kinh tế toàn diện và hướng tới mục tiêu tăng gấp đôi kim ngạch thương mại hai chiều đến năm 2035 đạt trên 1 tỷ USD.

Việt Nam liên tục nhập siêu từ thị trường Brunei (chủ yếu do các mặt hàng nguyên liệu, năng lượng hoặc hóa chất). Hàng hóa giữa 2 nước bổ trợ cho nhau, Việt Nam xuất khẩu sang Brunei những mặt hàng có ưu thế như hàng nông thủy sản; Hàng máy móc thiết bị...

II. Phân tích hoạt động nhập khẩu hàng hóa của Brunei với thế giới và thị phần hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam

1. Tổng quan tình hình nhập khẩu hàng hoá của Brunei

Brunei có quy mô dân số nhỏ, chỉ khoảng gần 470 nghìn người (số liệu năm 2025 của Ngân hàng thế giới), tuy nhiên mức sống của người dân Brunei lại ở mức rất cao, thuộc nhóm đứng đầu trong khu vực với GDP bình quân đầu người năm 2025 đạt gần 35.000 USD/người- điều này tạo ra sức mua lớn ở phân khúc tiêu dùng cao cấp tại Brunei.

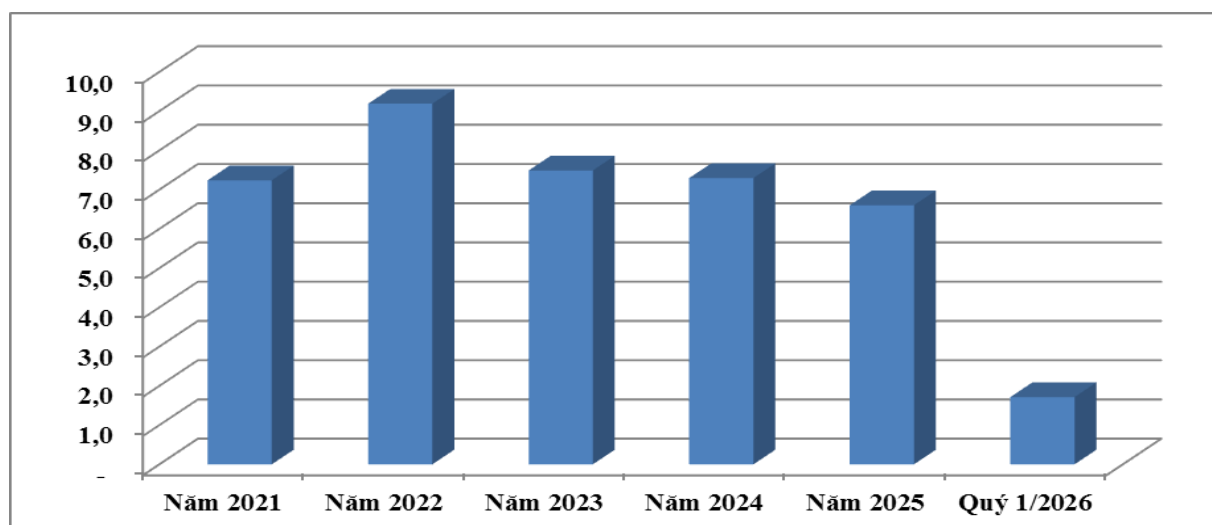
Mặc dù có thu nhập cao, người tiêu dùng tại Brunei vẫn duy trì mức độ nhạy cảm tương đối với giá cả. Họ thường cân nhắc kỹ trước khi đưa ra lựa chọn tiêu dùng, đặc biệt trong bối cảnh có thể dễ dàng tiếp cận, so sánh sản phẩm, dịch vụ thông qua mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến.

Ngoài yếu tố giá cả, văn hóa Hồi giáo đóng vai trò then chốt trong việc định hình thói quen và nhu cầu tiêu dùng tại Brunei. Với khoảng 2/3 dân số theo đạo Hồi, gần như toàn bộ sản phẩm thực phẩm, đồ uống, cùng nhiều nhóm hàng hóa khác đều phải đáp ứng nghiêm ngặt các tiêu chuẩn Halal. Đối với người tiêu dùng Brunei, chứng nhận Halal không đơn thuần là một cam kết về chất lượng sản phẩm, mà còn là biểu tượng của sự tôn trọng tín ngưỡng và niềm tin tôn giáo. Chính vì vậy, việc bảo đảm yếu tố Halal không chỉ là giấy thông hành để doanh nghiệp thâm nhập thị trường, mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng uy tín, củng cố lòng tin và tạo dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng địa phương.

Ngoài ra, mạng xã hội và truyền thông giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống của người dân Brunei. Theo Báo cáo của Asialink Business, năm 2025 Instagram là nền tảng có sức lan tỏa quảng cáo lớn nhất ở Brunei, khi tới 74,1% người dùng cho biết họ tiếp cận được quảng cáo trên nền tảng này. Tuy nhiên, không chỉ mạng xã hội, báo chí và truyền thông truyền thống vẫn còn duy trì được hiệu quả cao trong việc lan tỏa thông tin và quảng bá sản phẩm. Các tờ báo địa phương như Borneo Bulletin, The Scoop và Media Permata là nguồn tin tức phổ biến và có lượng phát hành rộng rãi.

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), thị trường Brunei có nhu cầu nhập khẩu từ 6,6 – 11 tỷ USD hàng hóa mỗi năm. Trong đó, năm 2022 là năm có trị giá nhập khẩu cao kỷ lục với 9,19 tỷ USD, tăng 27% so với năm trước, nhưng sang năm 2025, trị giá nhập khẩu giảm mạnh xuống còn 6,6 tỷ USD, do nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng chậm lại.

Biểu đồ 3: Nhập khẩu hàng hóa của Brunei giai đoạn năm 2021- 2026
(ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: ITC

Theo số liệu thống kê mới nhất của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong quý I/2026, Brunei nhập khẩu hàng hóa trị giá 1,71 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2025, song giảm nhẹ 1,4% so với quý IV/2025. Diễn biến này cho thấy nhu cầu nhập khẩu của Brunei vẫn duy trì xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước, mặc dù có sự điều chỉnh theo từng quý.

Về cơ cấu thị trường cung cấp hàng hóa cho Brunei trong quý I/2026:

Cơ cấu thị trường cung cấp hàng hóa cho Brunei trong quý I/2026 có sự thay đổi đáng kể so với cùng kỳ năm 2025. Singapore đã vượt Malaysia để trở thành nhà cung cấp hàng hóa lớn nhất cho Brunei, với kim ngạch đạt 619,2 triệu USD, tăng 1.135,8% so với quý I/2025 và chiếm 36,13% tổng kim ngạch nhập khẩu của Brunei, tăng mạnh so với mức 3,15% của cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng đột biến này chủ yếu xuất phát từ việc Brunei tăng mạnh nhập khẩu dầu mỏ và các sản phẩm dầu mỏ từ Singapore, qua đó làm thay đổi đáng kể vị trí của các đối tác trong cơ cấu nguồn cung hàng hóa của nước này.

Bảng 4: Brunei nhập khẩu hàng hóa từ một số thị trường trong quý I/2026

Thị trường	Quý I/2026 (nghìn USD)	So với quý IV/2025 (%)	So với quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2026 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)
Tổng	1.713.504	-1,4	7,9	100,00	100,00
Singapore	619.158	585,9	1.135,8	36,13	3,15
Malaysia	239.984	-70,0	-49,6	14,01	29,97

Thị trường	Quý I/2026 (nghìn USD)	So với quý IV/2025 (%)	So với quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2026 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)
Australia	223.453	176,3	162,8	13,04	5,35
UAE	96.370	25,9	-63,8	5,62	16,77
Trung Quốc	93.016	-20,7	-21,6	5,43	7,47
<i>Việt Nam</i>	83.954	68,8	171,5	4,90	1,95
Mỹ	51.751	-0,4	26,5	3,02	2,58
Đức	45.950	173,6	304,1	2,68	0,72
Indonesia	41.235	-30,1	-16,2	2,41	3,10
Philippin	32.773	42,3	-15,2	1,91	2,43
Thái Lan	21.768	-2,4	26,0	1,27	1,09
Đài Loan	18.050	190,4	483,4	1,05	0,19
Anh	16.050	52,7	104,5	0,94	0,49
Ấn Độ	14.842	29,5	36,6	0,87	0,68
Nhật Bản	13.479	-7,7	1,0	0,79	0,84
Hàn Quốc	9.498	77,1	-35,2	0,55	0,92
Pháp	8.483	28,1	73,7	0,50	0,31
Italy	4.574	-24,2	22,2	0,27	0,24
New Zealand	3.461	9,9	123,7	0,20	0,10
Achentina	3.210	-46,1	-16,0	0,19	0,24
Gioocdani	2.812	89,7	18.646,7	0,16	0,00
Thụy Sĩ	2.743	9,0	23,7	0,16	0,14
Campuchia	2.570	-8,2	-51,6	0,15	0,33
Na Uy	2.374	76,8	88,4	0,14	0,08
Hà Lan	2.332	-44,1	-60,8	0,14	0,37
Hồng Kông	2.331	-55,9	-35,4	0,14	0,23
Nam Phi	2.306	-96,5	93,6	0,13	0,07
Ả-rập Xê-ut	1.717	348,3	4,0	0,10	0,10
Canada	1.557	35,4	89,6	0,09	0,05
Ái Cập	1.351	24,7	101,6	0,08	0,04
Thổ Nhĩ Kỳ	1.299	104,6	182,4	0,08	0,03
Bỉ	1.203	31,5	39,9	0,07	0,05
Đan Mạch	1.052	77,1	-5,9	0,06	0,07
Chilê	977	86,1	634,6	0,06	0,01
Tây Ban Nha	949	-23,2	-63,3	0,06	0,16
Mêhicô	934	7,6	77,6	0,05	0,03

Thị trường	Quý I/2026 (nghìn USD)	So với quý IV/2025 (%)	So với quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2026 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)
Ai Len	826	-39,7	-69,6	0,05	0,17
Braxin	606	6,1	-33,0	0,04	0,06
Thụy Điển	509	65,8	128,3	0,03	0,01
Áo	458	6,5	-20,5	0,03	0,04
Ba Lan	430	-28,2	74,1	0,03	0,02
CH Séc	316	67,2	-13,4	0,02	0,02
Slovakia	306	580,0	-33,9	0,02	0,03
Ucraina	274	341,9	996,0	0,02	0,00
Pakistan	258	-58,7	41,8	0,02	0,01
Phần Lan	258	-14,9	-44,8	0,02	0,03
Rumani	236	-50,9	53,2	0,01	0,01
Bangladesh	202	-14,8	-25,7	0,01	0,02
Môdambich	169			0,01	0,00
Hungari	159	93,9	-8,1	0,01	0,01
Myanmar	149	365,6	-14,4	0,01	0,01
Serbia	105		5.150,0	0,01	0,00
Hy Lạp	104	766,7	8,3	0,01	0,01
Tuynidi	97	51,6	-9,3	0,01	0,01
Slovenia	92	513,3	206,7	0,01	0,00

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Tiếp theo là Malaysia với kim ngạch đạt 240 triệu USD, chiếm 14% tỷ trọng trên tổng kim ngạch nhập khẩu, giảm mạnh so với 30% của cùng kỳ năm 2025, đạt 240 triệu USD; Australia chiếm 13,04%, tăng so với 5,35% của cùng kỳ năm ngoái; UAE chiếm 5,62% và Trung Quốc chiếm 5,43%, đây đều là những đối tác có thế mạnh rõ rệt về năng lượng, nguyên liệu thô hoặc hàng công nghiệp.

Diễn biến trên cho thấy cơ cấu nguồn cung hàng hóa của Brunei trong quý I/2026 có sự dịch chuyển khá mạnh giữa các đối tác chủ chốt. Đặc biệt, sự thay đổi về thị phần của Singapore, Malaysia và Australia phản ánh mức độ phụ thuộc lớn của kim ngạch nhập khẩu Brunei vào một số nhóm hàng có giá trị cao. Do quy mô thị trường tương đối nhỏ, một số đơn hàng hoặc giao dịch có giá trị lớn có thể tác động đáng kể đến cơ cấu nhập khẩu và làm thay đổi nhanh vị trí của các nhà cung cấp trong từng quý.

Trong số các thị trường cung cấp hàng hóa lớn cho Brunei, **Việt Nam** đứng thứ 6 với kim ngạch đạt 84 triệu USD trong quý I/2026, tăng 68,8% so với quý IV/2025 và tăng 171,5% so với cùng kỳ năm 2025. Thị phần hàng hóa của Việt Nam tại Brunei theo đó tăng từ 1,95% trong quý I/2025 lên 4,90% trong quý I/2026. Đây là một trong những mức tăng đáng chú ý trong nhóm các đối tác cung cấp hàng hóa chủ yếu cho Brunei, cho thấy vị thế của Việt Nam tại thị trường này đã được cải thiện đáng kể trong thời gian qua.

Kết quả trên cũng cho thấy hàng hóa Việt Nam đang có khả năng tận dụng tốt hơn nhu cầu nhập khẩu của Brunei. Tuy nhiên, xét về quy mô, thị phần của Việt Nam tại thị trường Brunei còn khá khiêm tốn so với các đối tác lớn như Singapore, Malaysia hay Australia. Lợi thế của Việt Nam chủ yếu tập trung ở một số nhóm hàng nguyên liệu và sản phẩm công nghiệp cơ bản (như nhiên liệu khoáng, sắt thép, xi măng), trong khi các nhóm hàng chế biến sâu, công nghệ cao hoặc hàng tiêu dùng chất lượng cao chưa chiếm tỷ trọng lớn. Trong khi đó, các nước ASEAN có lợi thế về vị trí địa lý, chi phí vận chuyển và quan hệ thương mại lâu năm, trong khi Australia có thể mạnh đối với nhiều nhóm hàng nguyên liệu và thực phẩm. Đây là những yếu tố tạo ra mức độ cạnh tranh đáng kể đối với hàng hóa Việt Nam.

Trong thời gian tới, bên cạnh các mặt hàng nguyên liệu và sản phẩm công nghiệp cơ bản như nhiên liệu khoáng, sắt thép, xi măng và một số sản phẩm phục vụ sản xuất, Việt Nam có thể tiếp tục khai thác đẩy mạnh xuất khẩu sang Brunei các nhóm hàng có thế mạnh về chất lượng và khả năng cung ứng như lương thực, thực phẩm chế biến, thủy sản, rau quả, đồ uống và một số mặt hàng tiêu dùng.

Tuy nhiên, với quy mô dân số nhỏ và sức mua tập trung vào các phân khúc có chất lượng cao, Brunei không phải là thị trường phù hợp với chiến lược mở rộng xuất khẩu dựa chủ yếu vào số lượng. Thay vào đó, doanh nghiệp Việt Nam cần hướng tới việc nâng cao giá trị hàng hóa, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn và tiêu chuẩn kỹ thuật, đồng thời nghiên cứu kỹ thị hiếu và nhu cầu của từng phân khúc khách hàng. Việc lựa chọn sản phẩm phù hợp, thay vì mở rộng dàn trải danh mục hàng hóa, sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với khả năng duy trì thị phần tại thị trường này.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần chú trọng hơn đến việc xây dựng hệ thống phân phối và quan hệ trực tiếp với các nhà nhập khẩu, nhà bán buôn và các doanh

nghiệp phân phối tại Brunei. Do quy mô thị trường nhỏ, việc tiếp cận thông qua một số đối tác có mạng lưới phân phối phù hợp có thể mang lại hiệu quả cao hơn so với việc phát triển thị trường theo phương thức đại trà. Đồng thời, việc kết hợp Brunei với các thị trường lân cận trong khu vực có thể giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí logistics và nâng cao hiệu quả xuất khẩu.

2. Đánh giá dung lượng, thị phần của Việt Nam tại thị trường Brunei

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong cơ cấu nhập khẩu hàng hóa của Brunei trong quý I/2026, trị giá nhập khẩu mặt hàng “nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất; chất bitum; khoáng chất” (mã HS 27) đạt trị giá cao nhất với 1,07 tỷ USD, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 62,5% trong tổng nhập khẩu hàng hóa của Brunei. Việt Nam xuất khẩu mặt hàng này sang Brunei đạt 76,8 triệu USD trong quý I/2026, tăng 199% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 7,18% tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa của Brunei, tăng so với 2,39% của cùng kỳ năm 2025.

Tiếp đến là nhập khẩu mặt hàng “Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc, thiết bị và các bộ phận” (HS 84) đạt 96,6 triệu USD, tăng 55% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 5,6% trong tổng nhập khẩu hàng hóa của Brunei.

Tiếp theo là mặt hàng “Quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật” (HS 90) với kim ngạch nhập khẩu trong 3 tháng đầu năm 2026 đạt 47,8 triệu USD, tăng 148% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 2,9% tỷ trọng, trong đó thị phần của Việt Nam chỉ chiếm 0,1%, giảm nhẹ so với 0,17% của cùng kỳ năm ngoái.

Tuy vậy, một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chiếm tỷ trọng về kim ngạch khá cao trong tổng nhập khẩu của Brunei trong quý I/2026 là: HS 55 (chiếm 62,54%); HS 25 (chiếm đến 26,7%); HS 17 (chiếm 10,25%); HS 44 (chiếm 9,03%); HS 23 (chiếm 7,71%); HS 94 (chiếm 6,62%)...

Do quy mô thị trường và dân số hạn chế, dung lượng tiêu thụ hàng hóa đại trà tại Brunei không lớn. Tuy nhiên, mức thu nhập bình quân cao khiến người tiêu dùng có yêu cầu lớn hơn về chất lượng, tiêu chuẩn và giá trị gia tăng của sản phẩm. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam nên tập trung vào các mặt hàng có chất lượng tốt, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với phân khúc tiêu dùng trung và cao cấp.

Nhu cầu nhập khẩu của Brunei tập trung vào các nhóm hàng phục vụ sản xuất và đời sống như nhiên liệu và dầu thô, máy móc thiết bị điện và cơ khí, sản phẩm sắt thép và vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, dược phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu. Đáng chú ý, do năng lực sản xuất nông nghiệp trong nước hạn chế, Brunei phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung từ bên ngoài đối với nhiều mặt hàng lương thực, thực phẩm. Đây là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có thể mạnh như gạo, rau quả, thực phẩm chế biến, đồng thời mở rộng thị phần đối với máy móc, thiết bị, phụ tùng và sản phẩm sắt thép.

**Bảng 5: Hàng hóa nhập khẩu của Brunei trong quý 1/2026
và thị phần của Việt Nam**

Mã HS	Quý 1/2026 (nghìn USD)		So với quý 1/2025 (%)		Tỷ trọng của Việt Nam (%)	
	Nhập khẩu từ Việt Nam	Nhập khẩu từ thế giới	Nhập khẩu từ Việt Nam	Nhập khẩu từ thế giới	Quý 1/2026	Quý 1/2025
<i>Tổng</i>	83.954	1.713.504	171,5	7,9	4,90	1,95
27	76.833	1.070.220	199,0	-0,6	7,18	2,39
25	1.970	7.381	73,0	65,9	26,69	25,60
23	1.167	13.475	324,4	9,4	8,66	2,23
03	540	15.145	-2,5	17,5	3,57	4,30
85	430	43.779	16,8	-4,3	0,98	0,80
94	418	6.311	-26,4	-4,6	6,62	8,58
08	379	22.151	379,7	46,7	1,71	0,52
84	374	96.609	149,3	55,0	0,39	0,24
20	278	5.241	127,9	-1,1	5,30	2,30
17	194	1.893	88,3	-12,3	10,25	4,77
55	187	299	-11,0	4,9	62,54	73,68
62	183	4.454	-51,8	-18,5	4,11	6,95
44	140	1.551	174,5	13,2	9,03	3,72
64	121	1.570	-19,9	9,1	7,71	10,49
10	115	8.837	167,4	-17,9	1,30	0,40
21	84	15.522	100,0	36,2	0,54	0,37
40	74	5.819	21,3	9,8	1,27	1,15
73	63	18.769	472,7	-26,1	0,34	0,04
90	50	47.763	51,5	148,0	0,10	0,17
34	44	3.663	120,0	-22,2	1,20	0,42
39	43	10.441	258,3	-5,7	0,41	0,11
22	42	9.832	281,8	-0,8	0,43	0,11
19	39	18.760	-73,3	18,7	0,21	0,92

Mã HS	Quý 1/2026 (nghìn USD)		So với quý 1/2025 (%)		Tỷ trọng của Việt Nam (%)	
	Nhập khẩu từ Việt Nam	Nhập khẩu từ thế giới	Nhập khẩu từ Việt Nam	Nhập khẩu từ thế giới	Quý 1/2026	Quý 1/2025
16	24	5.471		26,3	0,44	0,00
48	24	5.919	-4,0	-8,3	0,41	0,39
88	19	43.458		473,6	0,04	0,00
54	18	610	-66,7	-85,5	2,95	1,29
09	15	2.496	650,0	13,8	0,60	0,09
33	12	3.948	9,1	-10,7	0,30	0,25
11	10	4.162		0,6	0,24	0,00
57	10	505		20,5	1,98	0,00
61	10	1.883	-56,5	-12,6	0,53	1,07
42	7	1.246	-41,7	-24,1	0,56	0,73
28	7	3.722	-97,1	16,6	0,19	7,49
04	5	12.238		8,6	0,04	0,00
95	4	2.697		-3,8	0,15	0,07

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

III. Đánh giá xu hướng triển vọng trong thời gian tới

1. Đánh giá xu hướng, triển vọng xuất khẩu.

Hiệp định CPTPP tiếp tục tạo thuận lợi về thuế quan, mở rộng cơ hội thu hút đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất và thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Brunei tăng 178,8% so với cùng kỳ năm 2025. Mức tăng cao này cho thấy thương mại song phương tiếp tục khởi sắc, trong đó có sự hỗ trợ từ các cam kết mở cửa thị trường trong khuôn khổ CPTPP.

Brunei là thành viên thứ 11 và cũng là quốc gia cuối cùng phê chuẩn Hiệp định CPTPP kể từ khi Hiệp định được ký kết vào tháng 3/2018.

Triển vọng một số mặt hàng tại Brunei:

+ Mặt hàng gạo: Thị trường gạo ở Brunei chịu ảnh hưởng bởi các chiến lược của chính phủ nhằm tăng cường an ninh lương thực. Brunei không tự sản xuất đủ lượng gạo tiêu dùng trong nước, nên phải nhập khẩu hầu hết từ nước ngoài để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân và đảm bảo an ninh lương thực, với lượng nhập khẩu trong giai đoạn 2024- 2026 đạt 31,3 nghìn tấn mỗi năm. Việt Nam là một trong năm nước cung cấp lớn nhất mặt hàng gạo vào Brunei nhưng thị phần

mới chỉ đạt khoảng 0,4% trong tổng nhập khẩu gạo của nước này. Giá gạo của Việt Nam xuất khẩu sang Brunei trong 6 tháng 2026 đạt mức khá cao so với nhiều thị trường xuất khẩu khác như Pháp, Tây Ban Nha..., đạt 742 USD/tấn, nhưng giảm mạnh so với giá của cùng kỳ năm 2025 (ở mức 1.005 USD/tấn). Thị trường Brunei ưa chuộng gạo chất lượng cao, đạt các tiêu chuẩn chứng chỉ Halal tại nước này.

+ Mặt hàng thủy hải sản (HS 03): Brunei có nhu cầu nhập khẩu ổn định khoảng 50 triệu USD mỗi năm. Việt Nam là thị trường cung cấp lớn thứ 3 mặt hàng này vào Brunei. Theo số liệu từ ITC, trong quý 1/2026, Brunei nhập khẩu mặt hàng có mã HS 03 đạt 15,1 triệu USD, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2025. Việt Nam là một trong 6 nước cung cấp lớn nhất mặt hàng thủy sản vào Brunei nhưng thị phần mới chỉ đạt khoảng 3,6% trong tổng nhập khẩu gạo của nước này.

Là quốc gia Hồi giáo, toàn bộ các mặt hàng nông sản, thực phẩm và gạo nhập khẩu vào Brunei đều phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và tiêu chuẩn Halal.

Bảng 6: Brunei nhập khẩu mặt hàng thủy sản (HS 03) từ một số thị trường chính trong quý 1/2026

Thị trường	Quý 1/2026 (nghìn USD)	So với quý 1/2025 (%)	Tỷ trọng quý 1/2026 (%)	Tỷ trọng quý 1/2025 (%)
Tổng	15.145	17,5	100,00	100,00
Malaysia	10.158	12,4	67,07	70,11
Na Uy	671	19,8	4,43	4,34
Singapore	670	-20,2	4,42	6,52
Chilê	651		4,30	0,00
Trung Quốc	568	121,9	3,75	1,99
<i>Việt Nam</i>	<i>540</i>	<i>-2,5</i>	<i>3,57</i>	<i>4,30</i>
Australia	496	-6,6	3,28	4,12
Ấn Độ	445	139,2	2,94	1,44
Indonesia	243	-12,0	1,60	2,14
Đài Loan	182	127,5	1,20	0,62
Myanmar	135	-19,6	0,89	1,30
Nhật Bản	131	14,9	0,86	0,88
Anh	57	54,1	0,38	0,29
Mỹ	57	470,0	0,38	0,08
Thái Lan	51	-57,5	0,34	0,93
Mêhicô	49		0,32	0,00

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Dù CPTPP đang mang lại những lợi thế nhất định, song thực tế nguồn lực của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam còn nhiều hạn chế. Yêu cầu, đòi hỏi của thị trường Brunei về hàng hóa cũng khá khắt khe. Do vậy, doanh nghiệp cần tăng tính chủ động trong tìm hiểu, đáp ứng tốt quy định về quy tắc xuất xứ; đồng thời, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tăng cường truyền thông, xúc tiến thương mại trong kế hoạch sản xuất, kinh doanh... Qua đó, giúp doanh nghiệp từng bước cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh, nhờ đó tận dụng tốt hơn các cơ hội từ CPTPP để đẩy mạnh xuất khẩu.

2. Đánh giá xu hướng, triển vọng nhập khẩu.

Việt Nam nhập khẩu chủ yếu hai nhóm mặt hàng từ Brunei là dầu thô và hóa chất. Trong đó, dầu thô chiếm tỷ trọng lớn nhất và đóng góp giá trị cao nhất trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này.

Với nguồn dự trữ dầu mỏ, khí đốt lớn, Brunei là một trong ba nguồn cung dầu thô chính của Việt Nam

Với trữ lượng và sản lượng khai thác của Brunei ổn định, tuy chiếm tỷ trọng nhỏ hơn so với Kuwait nhưng có lợi thế về vị trí địa lý trong khu vực ASEAN. Điều này đã giúp Việt Nam đa dạng hóa nguồn cung năng lượng, giảm thiểu rủi ro khi thị trường Trung Đông có biến động.

Đứng thứ hai là mặt hàng hóa chất, là mặt hàng nhập khẩu thường xuyên phục vụ cho các ngành sản xuất công nghiệp trong nước.

Với vị trí địa lý gần, cùng trong khu vực ASEAN nên Brunei là thị trường thuận lợi cho Việt Nam nhập khẩu một số mặt hàng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, kinh doanh.

Bảng 7: Hàng hóa xuất khẩu chính của Brunei trong quý I/2026 và thị phần của Việt Nam

Mã HS	Tên hàng	Quý I/2026 (nghìn USD)		So với quý I/2025 (%)		Tỷ trọng của Việt Nam (%)	
		XK sang Việt Nam	XK ra thế giới	XK sang Việt Nam	XK ra thế giới	Quý 1/2026	Quý 1/2025
	Tổng	114.114	2.935.714	-25,6	9,8	3,89	5,74
27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và sản phẩm	104.692	2.207.104	-15,6	10,8	4,74	6,23
29	Hóa chất hữu cơ	2.234	516.969	-87,7	8,8	0,43	3,82

Mã HS	Tên hàng	Quý I/2026 (nghìn USD)		So với quý I/2025 (%)		Tỷ trọng của Việt Nam (%)	
		XK sang Việt Nam	XK ra thế giới	XK sang Việt Nam	XK ra thế giới	Quý 1/2026	Quý 1/2025
31	Phân bón	6.261	147.142	-42,1	22,0	4,26	8,96
71	Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại phủ lớp kim loại quý...		13.821		87,9	0,00	0,00
84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận	51	11.278	-40,7	-66,7	0,45	0,25
25	Muối; lưu huỳnh; đất và đá; vật liệu trát, vôi và xi măng		8.245		288,4	0,00	0,00
88	Máy bay, tàu vũ trụ và các bộ phận		5.481		54,9	0,00	0,00
90	Các thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế hoặc phẫu thuật...	394	4.478	36,8	-14,3	8,80	5,51
73	Sản phẩm sắt thép	93	4.012	9.200,0	-66,9	2,32	0,01
85	Máy móc, thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi âm và máy tái tạo âm thanh, máy thu hình...	10	3.538	900,0	-24,2	0,28	0,02
72	Sắt thép		1.482		-32,6	0,00	0,00
81	Sản phẩm kim loại khác		1.465		7,3	0,00	0,00
03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và các loài động vật không xương sống thủy sinh khác		1.439		163,1	0,00	0,00
04	Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim; mật ong tự nhiên; các sản phẩm ăn được có nguồn gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác...		640		-11,0	0,00	0,00
28	Hóa chất vô cơ; các hợp chất hữu cơ hoặc vô cơ của kim loại quý, của kim loại đất hiếm, ...		636		253,3	0,00	6,67
82	Dụng cụ, đồ nghề, dao kéo, thìa và đĩa, bằng kim loại cơ bản; các bộ phận của chúng bằng kim loại	45	609	246,2	308,7	7,39	8,72
61	Hàng may mặc và phụ kiện may mặc, dệt kim hoặc móc		595		5,9	0,00	0,00
89	Tàu, thuyền và các kết cấu nổi		576		-77,6	0,00	0,00
33	Tinh dầu và nhựa dầu; các chế phẩm dùng trong nước hoa, mỹ phẩm hoặc vệ sinh cá nhân		443		-10,5	0,00	0,00
87	Các loại xe, trừ phương tiện chạy trên đường ray hoặc đường xe điện, cùng các bộ phận và phụ kiện		425		58,0	0,00	0,00

Mã HS	Tên hàng	Quý I/2026 (nghìn USD)		So với quý I/2025 (%)		Tỷ trọng của Việt Nam (%)	
		XK sang Việt Nam	XK ra thế giới	XK sang Việt Nam	XK ra thế giới	Quý 1/2026	Quý 1/2025
76	Nhôm và sản phẩm từ nhôm	302	375		-51,5	80,53	0,00
40	Cao su và sản phẩm cao su	28	259		-30,0	10,81	0,00
94	Đồ nội thất; đồ dùng phòng ngủ, nệm, giá đỡ nệm, đệm ngồi và các đồ nội thất nhồi đệm tương tự; ..		231		196,2	0,00	0,00
69	Sản phẩm gốm sứ		218		120,2	0,00	0,00
86	Đầu máy, toa xe và các bộ phận của chúng dùng cho đường sắt hoặc đường xe điện; các thiết bị cố định đường ray ...		215		-68,2	0,00	0,00
16	Sản phẩm từ thịt, cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc các động vật không xương sống dưới nước khác		213		1.083,3	0,00	0,00
15	Dầu mỡ động thực vật		175		44,6	0,00	0,00
99	Hàng hóa khác		1.162		-4,5	0,00	0,00

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Phụ trách theo dõi nhiệm vụ

Người thực hiện

Đặng Thùy Dương

Nguyễn Thu Thủy